

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/DS-ST;
Ngày: 10/4/2019;
V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay và đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Trung Trực;

2/ Ông Nguyễn Hoa Kiều;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương, thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lý Nguyễn Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 463/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXX-ST ngày 27/02/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Trần Thị Kim A** - sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số M Lý Thường Kiệt, KP N, Phường K, TP. H, Tiền Giang.

*** Bị đơn:** **Đoàn Thị B** - sinh năm 1975;

Lê Hoàng C - sinh năm 1970;

Cùng ngụ: ấp J, xã F, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Đoàn Thị D - sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện N, Tiền Giang.

(Bà A có mặt, các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim A trình bày: Chị Đoàn Thị B cùng chồng là anh Lê Hoàng C có vay của bà nhiều lần tiền, với tổng số tiền là 436.000.000 đồng, vay không có lãi suất, thời hạn vay khi nào cần lấy lại vốn bà báo trước cho vợ chồng chị B trước 01 tháng, vợ chồng chị B vay tiền để làm vốn kinh doanh trái cây. Các lần vay cụ thể như sau:

- Ngày 11/10/2014, vay 200.000.000 đồng, chị **B** và anh **C** là người nhận tiền và viết biên nhận cho bà. Đồng thời, chị Đoàn Thị **D** là chị ruột của chị **B** có đứng ra bảo lãnh cho vợ chồng chị **B** nếu vợ chồng chị **B** không trả tiền thì chị **D** trả tiền cho bà.

- Ngày 18/12/2014, vay 50.000.000 đồng, thời hạn là 15 ngày, chị **B** là người nhận tiền và viết biên nhận cho bà.

- Ngày 17/03/2016 (nhằm ngày 09/02/2016 âm lịch), vay 30.000.000 đồng, chị **B** là người nhận tiền và viết biên nhận cho bà. Đồng thời, chị Đoàn Thị **D** có đứng ra bảo lãnh cho vợ chồng chị **B** nếu vợ chồng chị **B** không trả tiền thì chị **D** trả tiền cho bà.

- Ngày 25/03/2016, vay 126.000.000 đồng, chị **B** là người nhận tiền và viết biên nhận. Đồng thời, chị Đoàn Thị **D** có đứng ra bảo lãnh cho vợ chồng chị **B** nếu vợ chồng chị **B** không trả tiền thì chị **D** trả tiền cho bà.

- Ngày 05/11/2016, vay 30.000.000 đồng chị **B** là người nhận tiền và viết biên nhận cho bà.

Vào đầu năm 2017, khi thấy việc mua bán của vợ chồng chị **B** không hiệu quả, bà đã nhiều lần gặp vợ chồng chị **B** để yêu cầu trả tiền nhưng vợ chồng chị **B** vẫn không trả.

Nay bà yêu cầu chị **B**, anh **C** và chị **D** liên đới trả cho bà số tiền 356.000.000 đồng; chị **B** và anh **C** liên đới trả cho bà số tiền 80.000.000 đồng, không tính lãi, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Đoàn Thị **B**, anh Lê Hoàng **C** và bà Đoàn Thị **D** vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa bà **A** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện **N** phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, về nội dung vụ án xét thấy bị đơn vay tiền của nguyên đơn nhưng không thanh toán tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Kim **A** khởi kiện yêu cầu chị Đoàn Thị **B**, anh Lê Hoàng **C** và bà Đoàn Thị **D** trả cho bà **A** số tiền vay và đòi lại số tiền vốn vào năm 2014, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản” theo quy định tại Điều 471 và Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Chị **B**, anh **C** và bà **D** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà A, Tòa xét thấy:

Căn cứ vào biên nhận ngày 11/10/2014, ngày 18/12/2014, ngày 17/3/2016 và ngày 05/11/2016 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký chị Đoàn Thị **B** cùng chồng là Lê Hoàng **C**, tại các biên nhận thể hiện anh **C** và chị **B** có mượn của bà A tổng số tiền là 436.000.000 đồng, mục đích vay để làm vốn mua bán trái cây. Theo bà A trình bày, đối với biên nhận ngày 18/12/2014 thì bà cho vợ chồng chị **B** mượn trong thời hạn 15 ngày, đối với các số tiền còn lại hai bên thỏa thuận khi nào cần lấy lại tiền bà A sẽ thông báo cho vợ chồng chị **B** 01 tháng. Đến đầu năm 2017, do thấy việc mua bán của vợ chồng chị **B** không hiệu quả, bà đã yêu cầu vợ chồng chị **B** trả tiền nhưng đến nay chị **B**, anh **C** vẫn không trả nợ. Do đó việc chị **B**, anh **C** vay tiền của bà A khi đến hạn thanh toán nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 474 và Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005, nên yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm liên đới của bà **D**, Tòa xét thấy: Căn cứ vào biên nhận ngày 11/10/2014, ngày 17/3/2016 và ngày 25/3/2016 có chữ ký chị **B**, anh **C** và bà **D** thể hiện bà **D** đã đứng ra bảo lãnh cho em bà **D** là chị **B** và anh **C** vay của bà A với tổng số tiền là 356.000.000 đồng. Nay do chị **B** và anh **C** không trả tiền cho bà A nên bà A đã yêu cầu bà **D** có trách nhiệm liên đới với vợ chồng chị **B** trả số tiền trên là có cơ sở nên Tòa án chấp nhận.

[5] Chị **B**, anh **C** và bà **D** vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí do yêu cầu của bà A được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 256, Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim A đối với chị Đoàn Thị **B**, anh Lê Hoàng **C** và bà Đoàn Thị **D**.

- Buộc chị Đoàn Thị **B**, anh Lê Hoàng **C** và bà Đoàn Thị **D** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Kim A số tiền vốn là 356.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi sáu triệu đồng), trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc chị Đoàn Thị **B** và anh Lê Hoàng **C** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Kim A số tiền vốn là 80.000 đồng (Tám chục triệu đồng), trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Chị Đoàn Thị **B**, anh Lê Hoàng **C** và bà Đoàn Thị **D** phải chịu 17.800.000 đồng (Mười bảy triệu tám trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Đoàn Thị **B** và anh Lê Hoàng **C** phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Kim A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.720.000 đồng (Mười triệu bảy trăm hai chục ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015380 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng đối với chị **B**, anh **C** và chị **D** thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy